

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1967
Số bằng: HM 175 cm Quyết định số: 81/TTGa ngày 03 tháng 4 năm 1971

- 11 Liệt sĩ: **PHÙNG CHÍ LONG**
Du kích xã Bình Hải, Nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 2V 540 km Quyết định số: 760/TTGa ngày 07 tháng 7 năm 1978
- 12 Liệt sĩ: **PHÙNG THỊ THƯ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 1Z 674 km Quyết định số: 1689/CTKT ngày 09 tháng 02 năm 1988
- 13 Liệt sĩ: **MAI KHÁ**
Du kích xã Bình Phục, Nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 2T 700 km Quyết định số: 624/TTGa ngày 12 tháng 6 năm 1978
- 14 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LÝ**
Cán bộ công an xã Xuyên Mộc, Nguyên quán: xã Thuận Tu, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1S 440 cm Quyết định số: 1489/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 15 Liệt sĩ: **MAI VĂN TÀU**
Cán bộ xã Xuyên Mộc, Nguyên quán: xã Xuyên Mộc, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1958
Số bằng: PM 664 cm Quyết định số: 120/TTGa ngày 13 tháng 5 năm 1977
- 16 Liệt sĩ: **LÊ CAO KHÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1971
Số bằng: TK 333 bm Quyết định số: 569/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1976
- 17 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BÉ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Ván, huyện Triệu Hải, tỉnh Bình Trị Thiên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 7I 503 bm Quyết định số: 1442/TTGa ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 18 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÀY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: F 255 bm Quyết định số: 61/CTKT ngày 23 tháng 02 năm 1983
- 19 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Dinh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: CM 592 km Quyết định số: 111/TTGa ngày 15 tháng 7 năm 1969
- 20 Liệt sĩ: **ĐẶNG THANH TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngãi Giao, huyện Châu Thành, tỉnh

Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 1976
Số bằng: 7V 610 bt Quyết định số: 203/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1979

- 21 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN MINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngãi Giao, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6Y 959 bm Quyết định số: 1256/TTGa ngày 03 tháng 11 năm 1979
- 22 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NHIỀU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngãi Giao, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 7M 690 bm Quyết định số: 022/TTGa ngày 03 tháng 01 năm 1979
- 23 Liệt sĩ: **NGUYỄN GIỎI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 7D 008 bm Quyết định số: 1418/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 24 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN DŨNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1967
Số bằng: QM 946 km Quyết định số: 854/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 25 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LAN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1967
Số bằng: MS 620 bm Quyết định số: 290/TTGa ngày 09 tháng 12 năm 1970
- 26 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1967
Số bằng: YR 186 bm Quyết định số: 598/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 27 Liệt sĩ: **VŨ VIỆT ĐỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Vương, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Bắc Thái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1971. Số bằng: NH 308 bm Quyết định số: 394/TTGa ngày 30 tháng 7 năm 1974
- 28 Liệt sĩ: **TRẦN THANH MẠNH**
Đài trưởng 15W, Nguyên quán: xã Tùng ánh, huyện Đức Thọ, tỉnh Nghệ Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 04 năm 1985
Số bằng: BC 687 ct Quyết định số: 179/CTKT ngày 05 tháng 6 năm 1986
- 29 Liệt sĩ: **PHAN HỮU CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1971
Số bằng: QG 498 bm Quyết định số: 585/TTGa ngày 19 tháng 02 năm 1976
- 30 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thống Nhất, tỉnh Bà

Rịa-Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1965
Số bằng: BR 415 bm Quyết định số: 119/CTKT ngày 08 tháng 6 năm 1988

- 31 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1984
Số bằng: BG 051 bt Quyết định số: 332/CTKT ngày 03 tháng 12 năm 1986
- 32 Liệt sĩ: **LÊ TRI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 3S 807 km Quyết định số: 802/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1979
- 33 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 3L 523 bm Quyết định số: 1512/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 34 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH DANH**
Trưởng Ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1967
Số bằng: 1S 435 cm Quyết định số: 1489/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 35 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH TRI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1965
Số bằng: KM 644 km Quyết định số: 609/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 36 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH THUẬN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gio Châu, huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1949
Số bằng: MC 375 kp Quyết định số: 495/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 37 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1969
Số bằng: Y 641 bm Quyết định số: 72/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1984
- 38 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH ĐỒNG**
Phó ban mật vụ xã, Nguyên quán: xã Trung Đông, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 5 năm 1953
Số bằng: GC 883 cp Quyết định số: 78/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1978
- 39 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3Z 204 bm Quyết định số: 16/TTGa ngày 09 tháng 01 năm 1978
- 40 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc,

tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 6H 719 bm Quyết định số: 893/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978

- 41 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THÊ**
Quân báo viên xã, Nguyên quán: xã Trung Đông, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1953
Số bằng: MC 691 kp Quyết định số: 608/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1978
- 42 Liệt sĩ: **TRẦN VIỆT SÂN**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng, tỉnh Bình Trị Thiên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1952
Số bằng: RC 063 kp Quyết định số: 616/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979
- 43 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH CHIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 049 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1970
- 44 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ DÍNH**
Ban chấp hành, Nguyên quán: xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 4G 530 cm Quyết định số: 8/TTga ngày 05 tháng 01 năm 1980
- 45 Liệt sĩ: **NGUYỄN EM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vinh Thái, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 4R 283 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 46 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CHÚT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971
Số bằng: DK 147 bm Quyết định số: 450/TTg ngày 04 tháng 9 năm 1993
- 47 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN ĐỒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1967
Số bằng: DZ 825 km Quyết định số: 381/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1996
- 48 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐẦU**
Y tá Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Văn, huyện Triệu Hải, tỉnh Bình Trị Thiên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 7 năm 1951. Số bằng: 1PC 972 bp Quyết định số: 1442/TTga ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỰ**
Cán bộ xã hoạt động cơ sở mật, Nguyên quán: tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1958
Số bằng: 2Y 827 cm Quyết định số: 730/TTga ngày 07 tháng 7 năm 1978
- 50 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN**
Y tá du kích xã, Nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 1Z 691 km Quyết định số: 1689/TTga ngày 09 tháng 12 năm 1977

- 51 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN ĐẬU**
Ban cán sự ấp 32, Nguyên quán: xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1967
Số bằng: 1H 122 cm Quyết định số: 1011/TTga ngày 09 tháng 6 năm 1977
- 52 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỐT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Phước, thị xã Bà Rịa, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 1O 890 km Quyết định số: 1354/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 53 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH ĐỀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch,
tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1965
Số bằng: PM 421 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 09 tháng 8 năm 1969
- 54 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÂT**
Công an xã Phước Long Thọ, Nguyên quán: xã Phước Long Thọ, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 11 năm 1950
Số bằng: DD 682 cp Quyết định số: 160/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1992
- 55 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh
Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1971
Số bằng: KB 498 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 56 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN LẬP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm
1968. Số bằng: ĐU 484 bm Quyết định số: 1116/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 1998
- 57 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN SÀNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên,
tỉnh Nghệ Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969
Số bằng: VQ 960 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 58 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THẮNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc,
tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 3L 543 bm Quyết định số: 1512/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 59 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ GIỎI**
Ban chấp hành phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy
sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1963
Số bằng: ĐM 549 cm Quyết định số: 995/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1997
- 60 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng

Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2Y 654 bm Quyết định số: 1345/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

- 61 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OR 949 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975
- 62 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HIỀNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1971
Số bằng: LB 937 bm Quyết định số: 378/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1974
- 63 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG MƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LG 198 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1974
- 64 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUÝ**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 2E 606 bm Quyết định số: 1147/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 65 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC THỊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1973
Số bằng: 4V 637 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 66 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Ba, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2E 532 bm Quyết định số: 1148/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 67 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẢO**
Cán bộ xã, Nguyên quán: huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1962
Số bằng: XM 892 cm Quyết định số: 787/TTga ngày 08 tháng 01 năm 1977
- 68 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỦY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1971
Số bằng: 2E 684 bm Quyết định số: 1147/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 69 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÙNG**
Cán bộ kinh tài huyện, Nguyên quán: thị xã Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1970
Số bằng: 2Y 845 cm Quyết định số: 730/TTga ngày 07 tháng 7 năm 1978
- 70 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHỰT TÂN**
Đại úy Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2Y 850 cm Quyết định số: 730/TTg ngày 07 tháng 7 năm 1978

- 71 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 5A 846 bm Quyết định số: 365/TTg ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 72 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƯƠNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 5H 624 bm Quyết định số: 420/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 73 Liệt sĩ: **ĐIỀN NGỌC LONG**
Cán bộ tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Long Hải, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2O 058 cm Quyết định số: 360/TTg ngày 07 tháng 4 năm 1968
- 74 Liệt sĩ: **LÊ PHÂN**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 2U 299 cm Quyết định số: 505/TTg ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 75 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 5L 859 bm Quyết định số: 452/TTg ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 76 Liệt sĩ: **LÊ TÔN TỰ**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 5M 475 bm Quyết định số: 505/TTg ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 77 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BIỂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tỉnh, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 3D 452 km Quyết định số: 1095/TTg ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 78 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH XUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 5Y 706 bm Quyết định số: 265/TTg ngày 07 tháng 7 năm 1978
- 79 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1952
Số bằng: 1XC 816bp Quyết định số: 555/TTg ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 80 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẬU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh

Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3Z 300 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1978

- 81 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Thọ, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bằng: 5A 752 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 82 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂY**
Cán bộ an ninh Huyện, Nguyên quán: xã Phước Long Thọ, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: 2O 109 cm Quyết định số: 360/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1979
- 83 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1964
Số bằng: 3Q 696 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1978
- 84 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: NC 576 kp Quyết định số: 889/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 85 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CỬ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: I 097 km Quyết định số: 99/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1983
- 86 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1967
Số bằng: 3Z 301 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1978
- 87 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN NGÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1966
Số bằng: 3Z 309 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1979
- 88 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HƯNG**
Y tá, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: O 671 cm Quyết định số: 312/CTKT ngày 09 tháng 9 năm 1983
- 89 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIỀM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 5 năm 1950
Số bằng: 1QC 693bp Quyết định số: 1459/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 90 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LÙNG**
Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự

ngành chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 3V 688 cm Quyết định số: 203/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1978

- 91 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AG 962 bm Quyết định số: 316/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1984
- 92 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 6D 648 bm Quyết định số: 889/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 93 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỦ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 5Y 600 bm Quyết định số: 765/TTGa ngày 17 tháng 7 năm 1976
- 94 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1975
Số bằng: 5X 697 bm Quyết định số: 765/TTGa ngày 17 tháng 7 năm 1977
- 95 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1967
Số bằng: 3E 669 km Quyết định số: 1160/TTGa ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 96 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 5A 716 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 97 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ ĐỊNH**
Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1962
Số bằng: 2D 087 cm Quyết định số: 360/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 98 Liệt sĩ: **TRẦN MINH HỒNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 6Q 903 bm Quyết định số: 1095/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 99 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 5A 885 bm Quyết định số: 365/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 100 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng

Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 7 năm 1952
Số bằng: 1SC 755 bp Quyết định số: 112/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1979

- 101 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: 5A 739 bm Quyết định số: 385/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 102 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THÀNH**
Nhân viên giao bưu, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 2D 445 cm Quyết định số: 574/CTKT ngày 23 tháng 11 năm 1984
- 103 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHẠM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1961
Số bằng: 2M 718 km Quyết định số: 360/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 104 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 5A 870 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 105 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1950
Số bằng: 2BC 983 bp Quyết định số: 621/TTga ngày 24 tháng 9 năm 1980
- 106 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HOẠT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 4R 488 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 107 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MƯA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1968
Số bằng: 2M 649 km Quyết định số: 365/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 108 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÍ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 2K 241 km Quyết định số: 130/TTga ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 109 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ CHÂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hải Hưng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 6 năm 1973
Số bằng: V1 525 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 110 Liệt sĩ: **THÁI VĂN QUANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành,

tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VM 273 bm Quyết định số: 15/TTGa ngày 15 tháng 01 năm 1970

- 111 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TUỐC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Nguyên, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1965
Số bằng: EM 862 km Quyết định số: 665/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 112 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÀI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 01 năm 1953
Số bằng: EC 744 kp Quyết định số: 642/TTGa ngày 24 tháng 6 năm 1977
- 113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OI 892 bm Quyết định số: 03/TTGa ngày 04 tháng 01 năm 1975
- 114 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẮM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, tp Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 1AB 308bm Quyết định số: 154/CTKT ngày 11 tháng 6 năm 1982
- 115 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 11 năm 1979
Số bằng: 9V 562 bt Quyết định số: 621/TTGa ngày 24 tháng 9 năm 1980
- 116 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1967
Số bằng: VR 785 bm Quyết định số: 342/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1974
- 117 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BỒN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 5Y 578 bm Quyết định số: 765/TTGa ngày 17 tháng 7 năm 1978
- 118 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 6B 176 bm Quyết định số: 797/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1978
- 119 Liệt sĩ: **BÙI KIA**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 02 năm 1947
Số bằng: TC 662 cp Quyết định số: 615/TTGa ngày 19 tháng 9 năm 1980
- 120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long

Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 4 năm 1948. Số bằng: 1TC 237 bp Quyết định số: 203/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1979

- 121 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN QUẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hải, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 6Y 974 bm Quyết định số: 1256/TTGa ngày 03 tháng 11 năm 1978
- 122 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ XIU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1969
Số bằng: DM 881 km Quyết định số: 342/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 123 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1968
Số bằng: DM 865 km Quyết định số: 342/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 124 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1962
Số bằng: VR 740 bm Quyết định số: 342/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 125 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GẬT**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1948
Số bằng: CC 579 cp Quyết định số: 342/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 126 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: VR 803 bm Quyết định số: 342/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 127 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN VÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VR 763 bm Quyết định số: 342/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 128 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ (CẨM)**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 3Q 694 bm Quyết định số: 1777/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỈ**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: NC 390 cp Quyết định số: 421/TTGa ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 130 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHÂU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp

xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 3 năm 1979
Số bằng: SZ 601 bt Quyết định số: 788/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1979

- 131 Liệt sĩ: **LÊ MINH PHÚ**
Cán bộ kế toán, Nguyên quán: tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2Y 859 cm Quyết định số: 730/TTGa ngày 07 tháng 7 năm 1978
- 132 Liệt sĩ: **NGUYỄN LỰC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
Số bằng: AB 234 bm Quyết định số: 123/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 133 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI ĐĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 7M 860 bm Quyết định số: 1441/TTGa ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 134 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG HỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1973
Số bằng: LO 700 bm Quyết định số: 1441/TTGa ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 135 Liệt sĩ: **PHẠM PHỤC**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 1R 435 km Quyết định số: 1531/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 136 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BÌNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vô Lịch, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 4B 686 bm Quyết định số: 137/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 137 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2A 537 km Quyết định số: 890/TTGa ngày 02 tháng 02 năm 1978
- 138 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đông, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 01 năm 1952
Số bằng: ZQ 699 bp Quyết định số: 176/TTGa ngày 04 tháng 5 năm 1979
- 139 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DỨNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1O 895 km Quyết định số: 1354/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 140 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU QUẾ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp

chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1963

Số bằng: 1B 063 km Quyết định số: 1046/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977

141 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LANG**

Nhân viên y tế xã, Nguyên quán: xã Phước Tỉnh, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1973

Số bằng: 2Y 867 cm Quyết định số: 730/TTga ngày 07 tháng 01 năm 1978

142 Liệt sĩ: **HUỖNH PHI LONG**

Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã An Lạc Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1950

Số bằng: XM 533 cm Quyết định số: 743/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

143 Liệt sĩ: **CAO VĂN ĐỨC (TU)**

Cán bộ Ban kinh tài, Nguyên quán: quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1970

Số bằng: 2D 494 cm Quyết định số: 175/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tỉnh, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969

Số bằng: 5H 631 bm Quyết định số: 420/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1978

145 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KIỀU**

Cơ sở hợp pháp của cách mạng, Nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1955

Số bằng: 6N 642 cm Quyết định số: 115/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

146 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TẬP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1967

Số bằng: 3Y 759 bm Quyết định số: 1748/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỆ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Hội, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1969

Số bằng: VR 755 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long Thọ, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1964

Số bằng: 3Đ 255 bm Quyết định số: 1499/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

149 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thành, huyện Triệu Hải, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1953

Số bằng: 1TC 174bm Quyết định số: 166/TTga ngày 28 tháng 02 năm 1979

150 Liệt sĩ: **TRẦN NGHINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Lợi, huyện Hương Điền, tỉnh

Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1953. Số bằng: 1EC 321 bp Quyết định số: 518/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

- 151 Liệt sĩ: **LÊ THANH CÁI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AM 524 km Quyết định số: 66/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 152 Liệt sĩ: **LÊ ĐIỀU**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Gio Mai, huyện Bến Hải, tỉnh Bình Trị Thiên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1953
Số bằng: AD 209 kp Quyết định số: 244/CTKT ngày 19 tháng 7 năm 1984
- 153 Liệt sĩ: **HOÀNG CHUYẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Triệu Trung, huyện Triệu Hải, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1949
Số bằng: LC 003 kp Quyết định số: 1527/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 154 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚC VIỆT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1974
Số bằng: 2T 600 bm Quyết định số: 1396/TTGa ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 155 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGHIỆP**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 2M 593 km Quyết định số: 350/TTGa ngày 03 tháng 4 năm 1978
- 156 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1972
Số bằng: 3E 774 cm Quyết định số: 993/TTGa ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 157 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÀNG**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1967
Số bằng: BM 264 cm Quyết định số: 235/TTGa ngày 17 tháng 12 năm 1968
- 158 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mộ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1967
Số bằng: 5Y 575 bm Quyết định số: 765/TTGa ngày 17 tháng 07 năm 1978
- 159 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH KÍNH**
Thị đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 4H 313 bm Quyết định số: 80/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1978
- 160 Liệt sĩ: **LƯU VĂN DƯƠNG**
Nhân viên An ninh xã, Nguyên quán: xã Phước Tinh, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã

hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 2O 027 cm Quyết định số: 360/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978

- 161 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÙNG KHANH**
Cán bộ nông hội Huyện, Nguyên quán: xã Phước Tỉnh, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2O 062 cm Quyết định số: 360/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 162 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1954
Số bằng: ZQ 951 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 163 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 5M 392 bm Quyết định số: 505/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 164 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGHĨA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 5A 692 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 165 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**
Chủ tịch ủy ban xã, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 11 năm 1950
Số bằng: MC 972 cp Quyết định số: 365/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 166 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1950
Số bằng: 1ĐC 231bp Quyết định số: 421/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 167 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC QUANG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1969
Số bằng: 5A 736 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 168 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÔNG**
Cán bộ y tế xã, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1967
Số bằng: 2A 937 cm Quyết định số: 22/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1978
- 169 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3Z 282 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1978
- 170 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HƠN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã

hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 02 năm 1952
Số bằng: PC 970 kp Quyết định số: 64/TTga ngày 12 tháng 01 năm 1979

- 171 Liệt sĩ: **HỒ VĂN BẦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 12 năm 1949
Số bằng: 1ĐC 269bp Quyết định số: 421/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÔ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1968
Số bằng: BR 433 bm Quyết định số: 276/CTKT ngày 14 tháng 11 năm 1987
- 173 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ ON**
Cán bộ thanh niên xã, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1962
Số bằng: 2A 924 cm Quyết định số: 22/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1978
- 174 Liệt sĩ: **TRIỆU KIM KHÔI**
Nhân viên ty công an, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1948
Số bằng: YC 997 cp Quyết định số: 43/TTga ngày 16 tháng 01 năm 1980
- 175 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHIỆM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: 2M 723 km Quyết định số: 360/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1975
Số bằng: 2V 860 km Quyết định số: 730/TTga ngày 07 tháng 7 năm 1978
- 177 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 5A 843 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 178 Liệt sĩ: **LÊ VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1972
Số bằng: 5A 793 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 179 Liệt sĩ: **ĐỖ PHƯỚC ĐÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1969
Số bằng: 2K 227 km Quyết định số: 130/TTga ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 180 Liệt sĩ: **THẾ ĐÌNH PHỤNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1967
Số bằng: 5A 740 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1978

- 181 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌ**
Chủ tịch xã , Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1952
Số bằng: MC 121 cp Quyết định số: 254/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 182 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 6U 135 bm Quyết định số: 1160/TTGa ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 183 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẨM**
Nông hội huyện , Nguyên quán: xã Tam Phước, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1948
Số bằng: SC 467 cp Quyết định số: 1459/TTGa ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 184 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƠN**
Đội viên an ninh xã, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 2D 457 cm Quyết định số: 175/TTGa ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 185 Liệt sĩ: **TƯƠNG VĂN MAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 7S 913 bm Quyết định số: 131/TTGa ngày 14 tháng 02 năm 1979
- 186 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỒNG**
Nhân viên Ban Kinh tài tỉnh , Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: MC 986 cp Quyết định số: 365/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 187 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGAY**
Uy viên Văn hóa Xã hội xã , Nguyên quán: xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 8 năm 1948
Số bằng: HC 211 cp Quyết định số: 1114/TTGa ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 188 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 5A 761 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 189 Liệt sĩ: **NGÔ PHI HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969. Số bằng: 5Y 608 bm Quyết định số: 765/TTGa ngày 17 tháng 7 năm 1978
- 190 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÉT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3H 444 km Quyết định số: 149/TTGa ngày 21 tháng 02 năm 1979

- 191 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÁU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 2G 767 km Quyết định số: 243/TTGa ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 192 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BÉ**
Cán bộ an ninh huyện, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1971
Số bằng: 2D 506 cm Quyết định số: 175/TTGa ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 193 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2K 250 km Quyết định số: 130/TTGa ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 194 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LÁNH**
Nhân viên kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2O 059 cm Quyết định số: 360/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 195 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2M 666 km Quyết định số: 365/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 196 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 5A 852 bm Quyết định số: 365/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 197 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Mỹ, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 5A 867 bm Quyết định số: 365/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1978
- 198 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ BÉ**
Y tá thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1967
Số bằng: 3Q 966 cm Quyết định số: 1459/TTGa ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 199 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 10 năm 1982
Số bằng: S 274 bt Quyết định số: 413/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1983
- 200 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÉ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tỉnh, huyện Long Đất, tỉnh

Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1968
Số bằng: 5Y 568 bm Quyết định số: 765/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978

- 201 Liệt sĩ: **VÕ TÁM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 3M 164 km Quyết định số: 54/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1979
- 202 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Long, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QP 547 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976
- 203 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIỀNG**
Cán bộ ban chấp hành thanh niên xã, Nguyên quán: xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
Số bằng: A 945 cm Quyết định số: 326/CTKT ngày 27 tháng 10 năm 1982
- 204 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰC**
Y tá xã, Nguyên quán: tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1970
Số bằng: YM 979 cm Quyết định số: 848/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1977
- 205 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÀO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 6T 729 bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1978
- 206 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÁM**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 3D 440 km Quyết định số: 1095/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 207 Liệt sĩ: **TRIỆU QUANG BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1965
Số bằng: HZ 937 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1966
- 208 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN VỊNH**
Bí thư huyện ủy, Nguyên quán: Phước Long Hội, Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1959
Số bằng: PM 700 cm Quyết định số: 342/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 209 Liệt sĩ: **LÊ TẤN HỘI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phước Long Hội, Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1972
Số bằng: VR 749 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 210 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHƯỜNG**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
Số bằng: 2L 109 cm Quyết định số: 255/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978

- 211 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÚC**
Cán bộ Ty lương thực, Nguyên quán: xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: TM 322 cm Quyết định số: 620/TTGa ngày 21 tháng 6 năm 1977
- 212 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 1N 315 bm Quyết định số: 1637/TTGa ngày 02 tháng 12 năm 1977
- 213 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIẾU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, thị xã Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 12 năm 1983
Số bằng: BĐ 458 bt Quyết định số: 299/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1986
- 214 Liệt sĩ: **THÁI VĂN THẢO**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Long Phước, Châu Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1970
Số bằng: 1B 744 bm Quyết định số: 623/TTGa ngày 21 tháng 6 năm 1977
- 215 Liệt sĩ: **KIM VĂN HÀM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971
Số bằng: CE 964 bm Quyết định số: 302/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 216 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1970
Số bằng: BB 651 bm Quyết định số: 287/TTGa ngày 08 tháng 12 năm 1971
- 217 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CƯỜI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1971
Số bằng: LQ 653 bm Quyết định số: 203/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1974

TỈNH HÀ TĨNH

- 218 Liệt sĩ: **TÔN ĐỨC PHÚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 953 bt Quyết định số: 572/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 219 Liệt sĩ: **TÔN ĐỨC HIỆU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh

Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1968
Số bằng: EB 065 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1973

- 220 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QB 224 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 221 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 930 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1968
- 222 Liệt sĩ: **VÕ XUÂN TRÌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZQ 2,113 bP Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1966
Số bằng: SI 092 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 224 Liệt sĩ: **ĐINH NHỎ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GQ 190 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 225 Liệt sĩ: **HỒ SỸ VIỆN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QB 095 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 226 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HL 697 bm Quyết định số: 598/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 227 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZG 141 bP Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 228 Liệt sĩ: **PHAN THANH ĐỀ**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 1 năm 1980
Số bằng: 4AA 162 bt Quyết định số: 360/CTKT ngày 7 tháng 8 năm 1985
- 229 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 929 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1968

- 230 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY DUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MM 585 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1969
- 231 Liệt sĩ: **PHAN CÔNG MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ĐT 956 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1965
Số bằng: EP 214 bm Quyết định số: 58/CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981
- 233 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1968
Số bằng: SR 691 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ HỘI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: CN 902 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 235 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN HƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UB 816 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 236 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NGHI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1966
Số bằng: EP 295 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 237 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NGỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: YL 559 bm Quyết định số: 793/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 238 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHIỆM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QV 628 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 239 Liệt sĩ: **TRẦN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GM 184 bm Quyết định số: 361/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973

- 240 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1966
Số bằng: MI 418 bm Quyết định số: 48/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1968
- 241 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHỮ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1969
Số bằng: NT 957 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 24 tháng 9 năm 1974
- 242 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐQ 204 bm Quyết định số: 500/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1971
- 243 Liệt sĩ: **LÊ THIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 9 năm 1952
Số bằng: ZQ 218 bp Quyết định số: 130/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1959
- 244 Liệt sĩ: **HỒ VĂN BÁ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 800 bm Quyết định số: 84/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 245 Liệt sĩ: **ĐỒNG QUỐC THẮNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1968
Số bằng: QĐ 239 bm Quyết định số: 500/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1972
- 246 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1966
Số bằng: OS 686 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 247 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZQ 2,111 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 248 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1972
Số bằng: ĐS 765 bm Quyết định số: 527/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 249 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIÊM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh

Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1966
Số bằng: PY 918 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1975

- 250 Liệt sĩ: **TRẦN THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZL 134 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1958
- 251 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÔI**
Huyện ủy viên Đảng Cộng sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 23 tháng 7 năm
1936. Số bằng: ZA 5,137 cp Quyết định số: 151/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 252 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh
Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970
Số bằng: NB 227 bm Quyết định số: 318TTga ngày 20 tháng 6 năm 1974
- 253 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI DƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh
Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KH 644 bm Quyết định số: 527/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 254 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÙNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong
cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ĐT 349 cp Quyết định số: 854/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1998
- 255 Liệt sĩ: **PHAN ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZZ 421 bp Quyết định số: 109/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1961
- 256 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HỒNG VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RM 629 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969
- 257 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỰU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AP 029 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1971
- 258 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH BẦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1969
Số bằng: MO 865 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1970
- 259 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚC ĐÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh

Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐS 792 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

- 280 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AD 026 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1971
- 281 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH KHÔI**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KR 916 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1974
- 282 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TỰ**
Trợ lý trình sát tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1970
Số bằng: O 095 bm Quyết định số: 346/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1972
- 283 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965
Số bằng: OI 715 bm Quyết định số: 643/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1974
- 284 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CM 358 cm Quyết định số: 76/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1969
- 285 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EP 294 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 286 Liệt sĩ: **ĐƯƠNG CHÍ DUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OH 311 bm Quyết định số: 567/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974
- 287 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ CHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ĐT 858 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 288 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PB 953 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1975
- 289 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lâm, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MĐ 116bm Quyết định số: 62/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970

- 290 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYỀN**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1970
Số bằng: MP 793 bm Quyết định số: 224/TTGa ngày 22 tháng 9 năm 1970
- 291 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIỀN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1969
Số bằng: ML 676bm Quyết định số: 150/TTGa ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 292 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHÚC**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MA 031 bm Quyết định số: 236/TTGa ngày 23 tháng 12 năm 1969
- 293 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THIỆN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UH 245 bm Quyết định số: 157/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 294 Liệt sĩ: **TRẦN DANH THÊN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Tượng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,463 bp Quyết định số: 130/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 295 Liệt sĩ: **HÒ KIM CẢNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CA 005 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 31 tháng 3 năm 1967
- 296 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRÍ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AK 767 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971
- 297 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HÒA**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GN 892bm Quyết định số: 334/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 298 Liệt sĩ: **HÒ KHẮC TRẦN**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: AK 765bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971
- 299 Liệt sĩ: **TRẦN BÀ THỊNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: AK 765bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971

Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KB 303 bm Quyết định số: 116/TTa ngày 22 tháng 3 năm 1974

- 300 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1975
Số bằng: PY 946 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 21 tháng 11 năm 1975
- 301 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 0S 004 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1975
- 302 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHI SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: YL 628 bm Quyết định số: 793/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 303 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EP 225 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 304 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐK 777 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972
- 305 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: EP 189 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 306 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1967
Số bằng: EP 329 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 307 Liệt sĩ: **NGUYỄN DOÃN UYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 956 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1968
- 308 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIỀN CẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MF 721 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1970
- 309 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHI SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZT 535 bp Quyết định số: 122/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1960

- 310 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bằng: V 270 bm Quyết định số: 08 CT/KT ngày 11 tháng 1 năm 1984
- 311 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: YS 029 bm Quyết định số: 467/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1977
- 312 Liệt sĩ: **HỒ KHẢ SINH**
Chiến sĩ Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1973
Số bằng: MM 082 cm Quyết định số: 199/TTGa ngày 26 tháng 04 năm 1974
- 313 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1972
Số bằng: PL 776 bm Quyết định số: 405/TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1975
- 314 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ CHÍNH**
Cán bộ binh trạm II Bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐM 950 cm Quyết định số: 65/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 315 Liệt sĩ: **VÕ HỮU THÌN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Kim, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8B 874 bt Quyết định số: 301/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1979
- 316 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2Đ 077 bm Quyết định số: 1128/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 317 Liệt sĩ: **LÊ THANH TÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1965
Số bằng: AL 230 bm Quyết định số: 182/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 318 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1967
Số bằng: RS 666 bm Quyết định số: 511/TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1976
- 319 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH XU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn,

tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1966
Số bằng: ĐS 903 bm Quyết định số: 51/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1973

- 320 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC THÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1953
Số bằng: AZ 739 bp Quyết định số: 288/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1961
- 321 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MINH**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1954
Số bằng: AZ 741 bp Quyết định số: 288/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1961
- 322 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ZB 235 bp Quyết định số: 137/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1957
- 323 **Liệt sĩ: NGUYỄN CÔNG HÓA**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AK 834 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971
- 324 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH VĂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1967
Số bằng: EM 351 bm Quyết định số: 92/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1968
- 325 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH HẬU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1966
Số bằng: EA 529 bm Quyết định số: 97/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 326 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Trà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 12 năm 1953
Số bằng: AZ 530 bp Quyết định số: 256/TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1961
- 327 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÁ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: BZ 459 bp Quyết định số: 337/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1961
- 328 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN HUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1966
Số bằng: BM 910 bm Quyết định số: 48/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1968
- 329 **Liệt sĩ: PHAN TRỌNG QUỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HL 659 bm Quyết định số: 334/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1973

- 330 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁI**
Công nhân, Nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1967
Số bằng: EM 789 cm Quyết định số: 275/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 331 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KA 028 bm Quyết định số: 118/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 332 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1967
Số bằng: OS 656 bm Quyết định số: 132/TTGa ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 333 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GN 849 bm Quyết định số: 334/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 334 Liệt sĩ: **ĐẶNG BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bùi Xá, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1954
Số bằng: AZ 665 bp Quyết định số: 288/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1961
- 335 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHIÊN**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AM 151 cm Quyết định số: 98/TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1968
- 336 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Giang, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GP 486 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 337 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Xuân, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BK 543 bm Quyết định số: 27/TTGa ngày 25 tháng 1 năm 1972
- 338 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZQ 3,995 bm Quyết định số: 396/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 339 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỊNH**
Ban quản trị hợp tác xã Bồng Sa tỉnh Hà Tĩnh, Nguyên quán: xã Đức Hồng, huyện Đức Thọ, tỉnh

Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LD 625 bm Quyết định số: 563/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973

- 340 Liệt sĩ: **KIỀU ĐÌNH PHÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZG 151 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 341 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỀ**
Cửa hàng phó, Nguyên quán: xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EM 458 cm Quyết định số: 155/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 342 Liệt sĩ: **LƯU CÔNG NGŨ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1966
Số bằng: YL 558 bm Quyết định số: 793/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 343 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG NHÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9T 932 bt Quyết định số: 542/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1980
- 344 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG KINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KA 045 bm Quyết định số: 118/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 345 Liệt sĩ: **TRẦN DOãn LUẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ML 634 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1976
- 346 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG KỶ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KR 080 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 09 tháng 02 năm 1974
- 347 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: VO 151 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977
- 348 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐK 753 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972
- 349 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TIU**
Trung đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Nam, huyện Thạch Hà,

tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 621 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1965

- 350 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC NGUY**
Xã viên hợp tác xã, Nguyên quán: xã Thạch Kim, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1973
Số bằng: LA 841 cm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974
- 351 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC CHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1969
Số bằng: AG 449 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971
- 352 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG TÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Yên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1971
Số bằng: UR 851 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 353 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÁ**
Trợ lý trình sát Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Yên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bằng: NP 527 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1974
- 354 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Yên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1967
Số bằng: BP 570 bm Quyết định số: 64/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1972
- 355 Liệt sĩ: **HÒ LÝ HỮ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1954
Số bằng: BZ 538 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1961
- 356 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO UYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 9 năm 1948
Số bằng: 2C 813 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 357 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1947
Số bằng: ZK 316 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 358 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MA 026 bm Quyết định số: 236/TTga ngày 23 tháng 12 năm 1969
- 359 Liệt sĩ: **TRẦN HUY CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: BM 006 bm Quyết định số: 155/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

- 360 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1974
Số bằng: VY 469 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 361 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AR 231 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971
- 362 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BẢY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Văn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐT 836 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 363 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Trường, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HM 983 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1968
- 364 Liệt sĩ: **DƯƠNG NIỆM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1947
Số bằng: AZ 699 bp Quyết định số: 288/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1961
- 365 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHÍ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1954
Số bằng: AZ 700 bp Quyết định số: 288/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1961
- 366 Liệt sĩ: **TRẦN HUY TRỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Bình, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZQ 466 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 367 Liệt sĩ: **PHAN KIM ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức An, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KR 065 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1974
- 368 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG**
Cán bộ hội văn nghệ, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 2S 493 cm Quyết định số: 896/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 369 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VƯỢNG**
Thương binh chết do vết thương tái phát, Nguyên quán: xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1991

Số bằng: ĐH 221 bt Quyết định số: 75/TTg ngày 25 tháng 2 năm 1993

370 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN CHÍNH**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1970

Số bằng: NP 426 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1974

371 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968

Số bằng: DO 180 km Quyết định số: 08/TTg ngày 11 tháng 1 năm 1995

372 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRỌNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1969

Số bằng: AR 235 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971

373 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG XUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1973

Số bằng: YE 794 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

TỈNH NAM ĐỊNH

374 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHẠM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1953

Số bằng: AZ 877 bp Quyết định số: 293/TTg ngày 19 tháng 7 năm 1961

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**

Phó Bí thư huyện đoàn, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1951

Số bằng: ZA 5,367 cp Quyết định số: 293/TTg ngày 07 tháng 9 năm 1961

376 Liệt sĩ: **ĐÀO CÔNG UẨN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1951

Số bằng: ZR 971 bp Quyết định số: 088/TTg ngày 04 tháng 01 năm 1960

377 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC CẨM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1966

Số bằng: IZ 269 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966

378 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1966
Số bằng: CV 924 bm Quyết định số: 408/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

379 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 4 năm 1954
Số bằng: AZ 945 bp Quyết định số: 293/TTg ngày 19 tháng 7 năm 1961

380 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XY 578 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

381 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HOA**

Phó chủ nhiệm Quân y Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1971
Số bằng: EB 968 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

382 Liệt sĩ: **NGÔ TIỀN MẠNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: VK 551 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

383 Liệt sĩ: **NGÔ TIỀN NHỄ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1973
Số bằng: HB 758 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 06 tháng 9 năm 1973

384 Liệt sĩ: **TRẦN THANH HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1967
Số bằng: AU 119 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1971

385 Liệt sĩ: **TRẦN THỌ HÁCH**

Du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1947
Số bằng: ZB 3,818 kp Quyết định số: 4/TTg ngày 04 tháng 01 năm 1961

386 Liệt sĩ: **ĐỖ NGỌC NAM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1969
Số bằng: OP 206 bm Quyết định số: 12/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1975

387 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MẬT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 01 năm 1948. Số bằng: ZL 789 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

388 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN BIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thọ, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định,

đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZC 396 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 389 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954
Số bằng: XC 338 bp Quyết định số: 92/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1958
- 390 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8Y 805 bt Quyết định số: 757/TTga ngày 31 tháng 10 năm 1979
- 391 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHỤNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐN 947 bm Quyết định số: 479/TTga ngày 01 tháng 12 năm 1972
- 392 Liệt sĩ: **VŨ GIA LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1973
Số bằng: SL 539 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 393 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỎ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1952
Số bằng: ZG 975 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 394 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 1M 092 bm Quyết định số: 734/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 395 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH XANH**
Chỉ huy dân quân tự vệ, Nguyên quán: xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BC 948 cm Quyết định số: 180/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986
- 396 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Phúc, tỉnh Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BH 397 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972
- 397 Liệt sĩ: **NGUYỄN DƯ HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1968
Số bằng: NL 862 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974
- 398 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: 33 Hàng Dầu, tp Nam Định, tỉnh Nam Định,

đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1947
Số bằng: ĐC 023 bp Quyết định số: 294/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1970

- 399 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phan Đình Phùng, tp Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9k 221 bt Quyết định số: 53/TTGa ngày 15 tháng 01 năm 1980
- 400 Liệt sĩ: **TRẦN VŨ THỪA**
Công nhân, Nguyên quán: xã Lộc Vượng, tp Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
Số bằng: Km 362 cm Quyết định số: 155/TTGa ngày 21 tháng 4 năm 1973
- 401 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN HÀN**
Tự vệ, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1965
Số bằng: AM 046 cm Quyết định số: 107/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1967
- 402 Liệt sĩ: **TRỊNH QUANG THỦ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Cường, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1970
Số bằng: KS 194 bm Quyết định số: 56/TTGa ngày 14 tháng 02 năm 1977
- 403 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC DŨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NG 243 bm Quyết định số: 267/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1974
- 404 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: CK 896 bm Quyết định số: 266/TTGa ngày 01 tháng 7 năm 1972
- 405 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THÁI**
Phó công an huyện Giao Thủy, Nguyên quán: xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1968
Số bằng: ĐM 652 cm Quyết định số: 209/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 406 Liệt sĩ: **VŨ CÔNG ANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HE 952 bm Quyết định số: 567/TTGa ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 407 Liệt sĩ: **TRẦN ĐẮC MAO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1971
Số bằng: GT 429 bm Quyết định số: 407/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1973
- 408 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NA 084 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

- 409 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH QUANG**
Thượng sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1973
Số bằng: OT 175 bm Quyết định số: 78/TTga ngày 06 tháng 3 năm 1975
- 410 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU THƯ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1968
Số bằng: ĐN 610 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972
- 411 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HIỆU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ĐV 144 bm Quyết định số: 60/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 412 Liệt sĩ: **LÊ DUY LẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NK 713 bm Quyết định số: 374/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1974
- 413 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỚI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: p Trần Đăng Ninh, tp Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1973
Số bằng: UA 285 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 09 tháng 3 năm 1977
- 414 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN NGHỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HN 823 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 415 Liệt sĩ: **PHẠM TẮT THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1974
Số bằng: ST 192 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1976
- 416 Liệt sĩ: **VŨ THỊ OANH**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Giao Hải, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HB 600 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1973
- 417 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1968
Số bằng: QK 561 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1976
- 418 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN NHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam

Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 7 năm 1973
Số bằng: PY 206 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1975

- 419 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIÊU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1968
Số bằng: GV 735 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973
- 420 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1968
Số bằng: QN 687 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 421 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG LỰC**
Thượng sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1968
Số bằng: TH 160 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1977
- 422 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH QUYNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QK 599 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1976
- 423 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TỰ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1951
Số bằng: ZB 201 kp Quyết định số: 430/TTg ngày 06 tháng 9 năm 1958
- 424 Liệt sĩ: **LÊ THANH ĐẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thọ, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7S 092 bt Quyết định số: 107/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1979
- 425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT KHANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dương, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CY 322 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1972
- 426 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN HÙNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TH 282 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1977
- 427 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TOẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1967
Số bằng: RL 072 bm Quyết định số: 266/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 428 Liệt sĩ: **TRẦN QUÂN VŨ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 153 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1973

429 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHI**

Công nhân công trường xây lắp hóa chất 2, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KM 102 cm Quyết định số: 107/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1973

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐT 040 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1973

431 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CƠ**

Bí thư Thành đoàn Sài Gòn, Trú quán: phường 4, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1961
Số bằng: QM 574 cm Quyết định số: 519/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977

432 Liệt sĩ: **NGUYỄN RIỆT (PHIỆT)**

Cán sự Huyện đội - Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 05 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ĐC 902 bp Quyết định số: 107/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

1

2

3